

PHIẾU BÀI TẬP: SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

Môn Toán - Lớp 1

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Quan sát tia số. Số thích hợp điền vào ô trống là:



- A. 77 B. 80 C. 82 D. 70

Câu 2: Điền dấu thích hợp: 54 ... 45

- A. > B. < C. = D. Không so sánh được

Câu 3: Số lớn nhất trong các số: 72, 68, 81, 19 là:

- A. 72 B. 68 C. 81 D. 19

Câu 4: Số bé nhất trong các số: 25, 52, 20, 50 là:

- A. 25 B. 52 C. 20 D. 50

Câu 5: Số thích hợp điền vào ô trống: $60 < [?] < 62$ là:

- A. 59 B. 61 C. 63 D. 60

Câu 6: Dãy số sắp xếp từ bé đến lớn là:

- A. 12, 35, 29, 80 B. 80, 35, 29, 12
C. 12, 29, 35, 80 D. 29, 12, 80, 35

Câu 7: Kết quả của phép tính $20 + 30$ so với số 60 như thế nào?

- A. Lớn hơn B. Bé hơn C. Bằng nhau D. Không biết

Câu 8: Cho các số: 10, 50, 90, 40. Số tròn chục lớn nhất là?

- A. 10 B. 50 C. 90 D. 40

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Điền các số còn thiếu vào ô trống:

31	32		34		36		38		40
	62	63		65		67		69	

Bài 2: Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

35	42	66	60
80	79	94	99
19	$10 + 9$	47	$50 - 2$

Bài 3: Cho các số: 38, 15, 83, 51

a) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

Mẫu: $37 = 30 + 7$

$25 = \underline{\hspace{2cm}} + \underline{\hspace{2cm}}$

$60 = \underline{\hspace{2cm}} + \underline{\hspace{2cm}}$

$44 = \underline{\hspace{2cm}} + \underline{\hspace{2cm}}$

$98 = \underline{\hspace{2cm}} + \underline{\hspace{2cm}}$

Bài 5: Điền số liền trước và số liền sau thích hợp vào bảng:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
<u> </u>	30	<u> </u>
<u> </u>	59	<u> </u>
<u> </u>	99	<u> </u>

Bài 6: Đọc đề toán và điền vào chỗ chấm:

Lớp 1A trồng được **34** cây xanh. Lớp 1B trồng được **3 chục** cây xanh.

- Lớp 1B trồng được cây xanh.

- So sánh số cây của hai lớp:

- Lớp trồng được **nhiều** cây hơn là lớp:

